

LỜI NÓI ĐẦU

Năm 2018, nhờ sự nỗ lực, quyết tâm cao của cả hệ thống chính trị, cộng đồng doanh nghiệp và nhân dân trong tỉnh, sự giúp đỡ, tạo điều kiện của Trung ương, các bộ ngành, tình hình kinh tế - xã hội tỉnh tiếp tục chuyển biến tích cực và đạt được những kết quả toàn diện trên tất cả các lĩnh vực.

Để đáp ứng yêu cầu chỉ đạo, quản lý, điều hành, hoạch định chiến lược; xây dựng các chủ trương, chính sách phát triển KT-XH của các cấp, các ngành, nhu cầu thông tin của các nhà đầu tư, doanh nhân và của người dùng tin, Cục Thống kê tỉnh Bắc Ninh biên tập và xuất bản “*Niên giám Thống kê tỉnh Bắc Ninh năm 2018*”. Cuốn Niên giám này sẽ công bố số liệu KT-XH chính thức các năm: 2010, 2015, 2016, 2017 và sơ bộ năm 2018.

Việc biên tập và phát hành cuốn Niên giám Thống kê tỉnh Bắc Ninh đòi hỏi phải có sự đồng bộ về phương pháp, phạm vi tính, nguồn số liệu và thời gian với lộ trình dài nên không tránh khỏi những hạn chế, thiếu sót. Để cuốn Niên giám Thống kê năm tiếp theo hoàn thiện và đáp ứng tốt hơn nhu cầu sử dụng thông tin thống kê của các đối tượng, Cục Thống kê tỉnh Bắc Ninh mong nhận được ý kiến đóng góp của bạn đọc./.

CỤC THỐNG KÊ TỈNH BẮC NINH
Số 8, Đường Nguyễn Đăng Đạo, P. Tiền An, TP.
Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh
ĐT: 0222.3824308 - Fax: 0222.3822692
Email: bacninh@gso.gov.vn
tktonghopbn@gmail.com

FOREWORD

In 2018, thanks to the high efforts and determination of both the political system, the business community and the people in the province, the support and facilitation of the Central Government, ministries, socio-economic situation The province continues to make positive changes and achieve comprehensive results in all areas.

With the purpose of satisfying needs of studying, drawing up strategies, policies and Economic - Socio development policies of all government levels, Bac Ninh PSO has edited and published “*Bac Ninh statistical yearbook 2018*”. This Statistics yearbook will publish of indicators socio-economic data of the year 2010, 2015, 2016, 2017 and preliminary 2018.

The editing and publishing of Bac Ninh Statistics requires a synchronous method, the scope, resources and time data with route length should not avoid from the limitations and shortcomings. Statistical Yearbook for next year and improve to better meet the demand for statistical information of the object, Bac Ninh PSO forward to receiving comments from readers./.

BAC NINH PROVINCE STATISTICAL OFFICE
No. 8, Nguyen Đang Dao street, Tien An Ward,
Bac Ninh City - Bac Ninh Province
Tel: 0222.3824308 - Fax: 0222.3822692
Email: bacninh@gso.gov.vn
tktonghopbn@gmail.com

Ký hiệu và từ viết tắt

1. Ký hiệu trong biểu

Dấu gạch ngang (-): Hiện tượng không phát sinh

Dấu 3 chấm (...): Hiện tượng có phát sinh nhưng chưa có số liệu

Dấu (x): Hiện tượng không có liên quan

2. Từ viết tắt

ANQP	An ninh quốc phòng	NĐ	Nghị định
BNN	Bộ Nông nghiệp	NN	Nông nghiệp
C.ty	Công ty	NNĐP	Nhà nước địa phương
CHND	Cộng hoà nhân dân	NNTW	Nhà nước Trung ương
CP	Cổ phần	P.	Phường
CP	Chính phủ	PP	Phân phối
DN	Doanh nghiệp	PTTH	Phổ thông trung học
DNNN	Doanh nghiệp Nhà nước	QLNN	Quản lý Nhà nước
DNQD	Doanh nghiệp quốc doanh	SP	Sản phẩm
DNTN	Doanh nghiệp tư nhân	SX	Sản xuất
ĐTNN	Đầu tư nước ngoài	SXKD	Sản xuất kinh doanh
GTSX	Giá trị sản xuất	TBXH	Thương binh xã hội
HCSN	Hành chính, sự nghiệp	TCTK	Tổng cục Thống kê
HĐ	Hoạt động	TĐT	Tổng điều tra
H.	Huyện	TDTT	Thể dục thể thao
KCN	Khu công nghiệp	TNHH	Trách nhiệm hữu hạn
KD	Kinh doanh	TP.	Thành phố
KL	Kim loại	TSCĐ	Tài sản cố định
KT-XH	Kinh tế - xã hội	TSP	Tổng sản phẩm
KV	Khu vực	TTLL	Thông tin liên lạc
LD	Liên doanh	TTLT	Thông tư liên tịch
LĐ	Lao động	TX.	Thị xã
MM	Máy móc	UBND	Ủy ban nhân dân
MMTB	Máy móc thiết bị	XDCB	Xây dựng cơ bản

Symbol and Explanation of abbreviate

1. Symbol in table

Dash sign (-): Phenomenon not to arise

Three dot sign (...): Phenomenon to arise but no data

Multiply sign (x): Phenomenon unrelate

2. Explanation of abbreviate

Bill.	Billion
Co.	Company
Cont.	Continue
CPI	Consumer price index
Dec.	December
FDI	Foreign direct investment
GRDP	Gross region dometic product
GO	Gross output
Ltd,.	Limited
Mill.	Million
Photogr.	Photography
PSO	Province statistical office
Thous.	Thousand
VSIC	Viet Nam Standard Industrial Classification

MỤC LỤC

CONTENS

	Trang <i>Page</i>
Lời nói đầu <i>Foreword</i>	3
Ký hiệu và từ viết tắt <i>Symbol and explanation of abbreviate</i>	5
Tổng quan tình hình kinh tế - xã hội tỉnh Bắc Ninh năm 2018 <i>Overview of socio-economic situation in Bac Ninh province in 2018</i>	9
Đơn vị hành chính, đất đai và khí hậu <i>Administrative unit, land and climate</i>	25
Dân số và lao động <i>Poulation and labour</i>	43
Tài khoản quốc gia, ngân sách, ngân hàng và bảo hiểm <i>National accounts, state budget, bank and insurances</i>	89
Vốn đầu tư và xây dựng <i>Investment and construction</i>	123
Doanh nghiệp độc lập và cơ sở kinh tế cá thể <i>Enterprise and individual establishment</i>	151
Nông nghiệp, Lâm nghiệp và Thủy sản <i>Agriculture, forestry and fishing</i>	223
Công Nghiệp <i>Industry</i>	285
Thương mại và du lịch <i>Trade and tourism</i>	307
Chỉ số giá <i>price</i>	377
Vận tải, bưu chính và viễn thông <i>Transport, postal services and telecommunications</i>	363
Giáo dục <i>Education</i>	389
Y tế, văn hoá và thể thao và MSDC <i>Health, culture, sport and living standads</i>	433

TỔNG QUAN TÌNH HÌNH KINH TẾ - XÃ HỘI TỈNH BẮC NINH NĂM 2018

I. BỐI CẢNH KINH TẾ VIỆT NAM VÀ TỈNH BẮC NINH

Năm 2018, kinh tế - xã hội cả nước diễn ra trong bối cảnh kinh tế thế giới tăng trưởng chậm lại và tiềm ẩn nhiều yếu tố khó lường. Thương mại toàn cầu tăng chậm hơn dự báo do những thay đổi trong chính sách thương mại của Mỹ, chiến tranh thương mại Mỹ - Trung tiếp tục diễn biến phức tạp. Ở trong nước, bên cạnh những thuận lợi từ kết quả tích cực trong năm 2017, nền kinh tế nước ta cũng đối mặt tình hình thời tiết diễn biến phức tạp, tác động đến giá lương thực, thực phẩm, ảnh hưởng tới mục tiêu kiểm soát lạm phát; giải ngân vốn đầu tư công đạt thấp.

Tỉnh Bắc Ninh cũng chịu chung những tác động của kinh tế thế giới và trong nước, do kinh tế đã hội nhập sâu rộng; để tiếp tục duy trì phát triển kinh tế, ổn định xã hội. Ngay từ đầu năm 2019, tỉnh Bắc Ninh đã tập trung triển khai thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP của Chính phủ bằng việc ban hành Chỉ thị số 01/CT-UBND ngày 04/01/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh để triển khai những nhiệm vụ trọng tâm và giải pháp chủ yếu chỉ đạo, điều hành thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2019, trong năm tỉnh Bắc Ninh cũng ban hành 5 chỉ thị chỉ đạo thực hiện đồng bộ các giải pháp phát triển toàn diện các ngành, lĩnh vực.

II. KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

Tăng trưởng kinh tế nhờ những thuận lợi từ kết quả ấn tượng đạt được trong năm 2017, ở các ngành, lĩnh vực đều tăng. Công nghiệp tiếp tục là ngành tăng cao nhất với 2 con số. Trong năm tỉnh Bắc Ninh quyết liệt cải cách hành chính, tạo môi trường đầu tư kinh doanh thuận lợi, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh, tháo gỡ khó khăn, tiết giảm chi phí, thúc đẩy mạnh mẽ sản xuất kinh doanh, tạo động lực tăng trưởng, chú trọng các ngành, lĩnh vực có tiềm năng lớn; khuyến khích đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp, nỗ lực thực hiện đồng bộ các giải pháp, phát huy tiềm năng, thế mạnh, quyết tâm tạo chuyển biến rõ nét trong phát triển kinh tế - xã hội. Tăng trưởng kinh tế đạt 10,6% vượt mục tiêu của tỉnh đề ra.

1. Tăng trưởng kinh tế

Tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh (GRDP) năm 2018 (giá so sánh 2010) tăng 10,6% so với năm 2017. Trong đó, khu vực NLTS đạt mức tăng khá (+2,52%) sau hai năm liên tục giảm¹ và đóng góp 0,07 điểm phần trăm tăng trưởng; khu vực

¹ Năm 2016, giảm 0,02% và năm 2017 giảm 0,38%.

công nghiệp - xây dựng tăng 11,6% và đóng góp 8,96 điểm phần trăm tăng trưởng; khu vực dịch vụ tăng 7,32% và đóng góp 1,17 điểm phần trăm; thuế sản phẩm tăng 9,75% và đóng góp 0,41 điểm phần trăm. Về cơ cấu kinh tế, tỷ trọng khu vực NLTS từ 2,8% năm 2017 giảm xuống còn 2,7% năm 2018; tương tự, tỷ trọng khu vực dịch vụ từ 16,9% còn 16,6%, thuế sản phẩm từ 4,2% còn 4,1%; riêng tỷ trọng khu vực CN-XD từ 76,1% tăng lên 76,6%. GRDP bình quân đầu người đạt 150,1 triệu USD (tương đương gần 6.500 USD), tăng 8,7% so với năm 2017.

Khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản: Mặc dù, diện tích đất sản xuất nông nghiệp tiếp tục bị thu hẹp, sản xuất vụ đông sụt giảm cả về diện tích, năng suất và sản lượng, nhưng nhờ mở rộng diện tích nông nghiệp ứng dụng CNC, theo tiêu chuẩn Vietgap và vụ xuân, vụ mùa năng suất, sản lượng nhiều loại cây trồng tăng, nhất là nhóm cây thực phẩm, nên ngành trồng trọt tăng khá. Chăn nuôi, giá thịt lợn bắt đầu tăng từ cuối quý I và giữ ở mức cao (tháng 12 đã tăng hơn 80% so với tháng 1), đàn lợn được phục hồi nhanh và tăng 3,6% so năm 2017; sản lượng thịt hơi gia súc, gia cầm xuất chuồng tăng 3,7%. Tính chung, giá trị tăng thêm (giá so sánh 2010) của khu vực này cả năm ước tăng 2,52% so với năm 2017.

Ở khu vực công nghiệp - xây dựng: Mặc dù, sản xuất công nghiệp của khu vực FDI những tháng cuối năm có xu hướng tăng thấp và giảm (do cùng kỳ năm trước có thêm nhà máy quy mô lớn đi vào hoạt động), nhưng nhờ những tháng đầu năm tăng cao và sản xuất của khu vực trong nước, nhất là khối các doanh nghiệp dân doanh tăng khá, nên tính chung sản xuất công nghiệp cả năm vẫn tăng trưởng hai con số (+11,65%). Ngành xây dựng, tuy chiếm tỷ trọng nhỏ, nhưng hoạt động xây dựng nhà ở của dân cư, nhà ở xã hội, nhà ở cao cấp, hạ tầng KCN, các công trình giáo dục, y tế, đường giao thông,... trên địa bàn tỉnh gia tăng, nên cũng đạt mức tăng trưởng khá (+11,26%), đã góp phần đưa giá trị tăng thêm của khu vực này ước tăng 11,6%.

Ở khu vực dịch vụ, với lượng lao động lớn và hàng chục nghìn chuyên gia nước ngoài đang làm việc trong các khu, cụm công nghiệp, nên quy môn nhiều ngành dịch vụ tiếp tục gia tăng nhằm đáp ứng kịp thời nhu cầu thiết yếu, như: dịch vụ lưu trú và ăn uống, vận tải, viễn thông, bất động sản, siêu thị, trung tâm thương mại, dịch vụ vui chơi giải trí,... Bên cạnh đó, giá cả hàng hoá ổn định, thu nhập của người lao động trên địa bàn tỉnh cao hơn mức bình quân chung cả nước, và từ tháng 7, mức lương cơ bản của các đối tượng hưởng lương ngân sách nhà nước và người nghỉ hưu tăng gần 7%, nên mức tiêu dùng hàng hóa và dịch vụ trên địa bàn tỉnh tăng khá. Trong đó, một số ngành có mức tăng cao, như: ngành bán buôn, bán lẻ và sửa

chữa ô tô, mô tô xe máy (+8%); dịch vụ vận tải (+8,4%); lưu trú và ăn uống (+8,2%); thông tin và truyền thông (+10,4%); dịch vụ hành chính và hỗ trợ (+10,4%); dịch vụ vui chơi giải trí (+8,3%); nhóm các ngành hưởng lương từ NSNN (+8%). Tính chung, giá trị tăng thêm của khu vực dịch vụ năm 2018 ước tăng 7,32% so với năm 2017. Thuế sản phẩm, quy mô hoạt động SXKD tiếp tục được mở rộng, kim ngạch nhập khẩu lớn, nên thu từ thuế sản phẩm tăng 9,75% so với năm 2017, đóng góp được 0,41 điểm phần trăm tăng trưởng kinh tế.

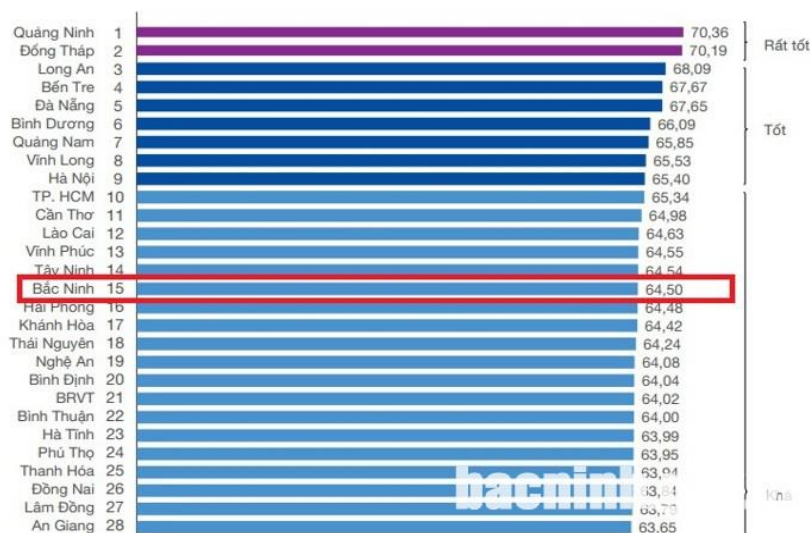
2. Chất lượng của tăng trưởng

Cơ cấu nền kinh tế của tỉnh Bắc Ninh có sự chuyển dịch tích cực, trong đó, giảm mạnh tỷ trọng của nông nghiệp và tăng mạnh tỷ trọng công nghiệp và dịch vụ; khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm tỷ trọng 2,7%; khu vực công nghiệp và xây dựng chiếm 76,6%; khu vực dịch vụ chiếm 16,6%; thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm chiếm 4,1%.

Khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tiếp tục giữ vai trò chủ đạo trong nền kinh tế của tỉnh. Tỷ lệ vốn đầu tư toàn xã hội ở khu vực FDI do các dự án, nhà máy quy mô lớn đã giải ngân và xong công đoạn xây lắp từ cuối năm 2017, nên vốn đầu tư đạt thấp. Tính chung, tổng vốn đầu tư phát triển cả năm 2018 ước bằng 68,2% so với năm 2017.

3. Năng lực cạnh tranh của tỉnh Bắc Ninh

Theo bảng xếp hạng Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) năm 2018, tỉnh Bắc Ninh đứng thứ 15/63 tỉnh, thành phố với 64,5 điểm, tăng 02 bậc và tăng 0,14 điểm so với năm 2017, nằm trong nhóm các tỉnh có chất lượng khá.



Bảng xếp hạng chỉ số PCI năm 2018 của các tỉnh, thành phố.

Tỉnh Quảng Ninh năm thứ hai liên tiếp đứng vị trí số 01 trên bảng xếp hạng PCI với 70,36 điểm; tiếp đến là Đồng Tháp với 70,19 điểm và Long An với 68,09 điểm.

Tính riêng trong khu vực đồng bằng sông Hồng, tỉnh Bắc Ninh đứng thứ 4 sau Quảng Ninh (xếp thứ 1), Hà Nội (xếp thứ 9), Vĩnh Phúc (xếp thứ 13).

Đối với các chỉ số thành phần, tỉnh Bắc Ninh có 05 chỉ số tăng điểm so với năm 2017 là: Chi phí thời gian (tăng 0,47 điểm); Cạnh tranh bình đẳng (tăng 1,45 điểm); Tính năng động của chính quyền tỉnh (tăng 0,18 điểm); Đào tạo lao động (tăng 0,13 điểm); Thiết chế pháp lý và an ninh trật tự (tăng 0,67 điểm).

Trong khi đó 05 chỉ số giảm điểm gồm: Gia nhập thị trường (giảm 0,05 điểm); Tiếp cận đất đai (giảm 0,18 điểm); Tính minh bạch (giảm 0,08 điểm); Chi phí không chính thức (giảm 0,58 điểm); Dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp (giảm 0,34 điểm).

4. Xuất nhập, khẩu hàng hóa, dịch vụ

Năm 2018 ghi nhận kỷ lục mới của xuất, nhập khẩu của tỉnh Bắc Ninh khi tổng mức lưu chuyển hàng hóa xuất, nhập khẩu đạt 62.168 triệu USD, giai đoạn từ năm 2010 liên tiếp kim ngạch xuất, nhập khẩu của tỉnh Bắc Ninh đều tăng cao.

Xuất khẩu hàng hóa: Năm 2018 kim ngạch xuất khẩu đạt 35.347 triệu USD tăng 12,2% so với năm trước. Với 2 mặt hàng xuất khẩu chủ đạo là (điện thoại và linh kiện đạt 30.868 triệu USD, máy tính và linh kiện đạt 2.887 triệu USD); 2 mặt hàng xuất khẩu trên chiếm đến 95,5% giá trị của tất cả các mặt hàng xuất khẩu.

Nhập khẩu hàng hóa: Năm 2018 kim ngạch hàng hóa nhập khẩu đạt 26.821 triệu USD giảm 12,1% so với năm trước. Trong đó, có 3 mặt hàng nhập khẩu chủ đạo là (Hàng điện tử và linh kiện, máy tính và linh kiện, máy móc và phương tiện khác) 3 mặt hàng nhập khẩu trên chiếm đến 93% giá trị của tất cả các mặt hàng nhập khẩu.

Cán cân thương mại hàng hóa thực hiện cả năm 2018 xuất siêu 8.526 triệu USD, trong đó khu vực kinh tế trong nước nhập siêu 268 triệu USD; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài xuất siêu 8.794 triệu USD, Hàn Quốc trở thành thị trường nhập siêu lớn nhất, năm 2018 nhập khẩu giảm do Tập đoàn Samsung năm 2017 mở rộng sản xuất nên nhu cầu nhập khẩu máy móc thiết bị và linh kiện phục vụ gia công lắp ráp tăng cao.

5. Tình hình đăng ký doanh nghiệp

Năm 2018, số doanh nghiệp đăng ký thành lập mới 2.042 doanh nghiệp (tăng 1,3% so với cùng kỳ) với tổng số vốn đăng ký là: 18.115 tỷ đồng (tăng 32,9% so với cùng kỳ). Đăng ký thành lập mới 681 đơn vị trực thuộc. Số doanh nghiệp tự nguyện giải thể và thu hồi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 484 doanh nghiệp.

Số doanh nghiệp tạm ngừng hoạt động trong năm 2018 là 483 doanh nghiệp bao gồm doanh nghiệp giải thể tự nguyện và doanh nghiệp giải thể bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

6. Thu hút đầu tư nước ngoài

Đầu tư trực tiếp của nước ngoài trong năm 2018 thu hút 175 dự án cấp phép mới với số vốn đăng ký đạt 586,6 triệu USD. Bên cạnh đó, có 121 dự án đã cấp phép các năm trước với tổng số vốn điều chỉnh tăng là 856,3 triệu USD, nâng tổng số vốn đăng ký cấp mới và điều chỉnh vốn tăng thêm 1.442,9. Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thực hiện năm 2018 đạt 2.345,2 triệu USD.

Trong năm 2018 còn có 52 lượt góp vốn mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài với tổng giá trị góp vốn mua cổ phần là 23,8 triệu USD.

7. Khách du lịch đến Bắc Ninh

Hoạt động du lịch năm 2018 đạt được kết quả ấn tượng, ngành du lịch đã xây dựng đề cương “Ứng dụng công nghệ GIS xây dựng hệ thống thông tin du lịch, phục vụ công tác quản lý và phát triển ngành du lịch tỉnh Bắc Ninh”; xây dựng chương trình hợp tác quản lý và phát triển du lịch của địa phương trong chương trình hợp tác phát triển du lịch giai đoạn 2018-2020 giữa các Sở Hà Nội - Bắc Ninh - Hải Dương - Hưng Yên - Vĩnh Phúc... Công tác tuyên truyền quảng bá được chú trọng bằng nhiều hình thức, nội dung phong phú đa dạng góp phần quảng bá tiềm năng du lịch tỉnh Bắc Ninh. Tổng lượt khách năm 2018 ước đạt 2.463 nghìn lượt khách tăng 23% so với năm trước, trong đó khách quốc tế ước đạt 170 nghìn lượt khách tăng 8,2% so với năm trước.

8. Chỉ số giá

Năm 2018 chỉ số giá tiêu dùng tiếp tục được kiểm soát ở mức dưới 4%, trong điều kiện giá một số mặt hàng thiết yếu tăng trở lại. Chỉ số giá bình quân so với năm trước tăng 3,37% thấp hơn cả nước là 3,65% và thấp hơn mục tiêu Quốc hội đề ra. Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 12/2018 tăng 4,38% so với tháng 12/2017, bình quân mỗi tháng tăng 0,36%.

9. Dân số, lao động, việc làm

Dân số trung bình năm 2018 của tỉnh Bắc Ninh là 1.247,5 nghìn người, tăng 32,2 nghìn người, tương đương tăng 2,7% so với năm 2017, bao gồm dân số thành thị 354,7 nghìn người, chiếm 28,4%; dân số nông thôn 892,7 nghìn người, chiếm 71,6%; dân số nam 609,2 nghìn người, chiếm 48,8%; dân số nữ 638,2 nghìn người, chiếm 51,2%.

Lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên năm 2018 là 675,5 nghìn người, tăng 7,4 nghìn người so với năm trước, trong đó tốc độ tăng ở khu vực nông thôn cao hơn so với

khu vực thành thị 0,63 điểm phần trăm. Lao động từ 15 tuổi trở lên đang làm việc năm 2018 là 662,9 nghìn người, tăng 0,9% so với năm trước.

10. Đời sống dân cư

Đời sống dân cư tiếp tục được cải thiện. Tỷ lệ hộ nghèo tiếp cận đa chiều năm 2018 là 1,62%, giảm 0,44 điểm phần trăm so với năm 2017, trong đó khu vực thành thị 1,26% giảm 0,36 điểm phần trăm và nông thôn 1,75% giảm 0,46 điểm phần trăm. Trong các huyện có 2 huyện (huyện Yên Phong, huyện Gia Bình) có tỷ lệ hộ nghèo tiếp cận đa chiều cao nhất (1,95%) và thị xã Từ Sơn có tỷ lệ hộ nghèo đa chiều thấp nhất toàn tỉnh (1,04%).

III. MỘT SỐ HẠN CHẾ, KHÓ KHĂN

Bên cạnh những kết quả đạt được, kinh tế - xã hội tỉnh Bắc Ninh năm 2018 vẫn còn một số hạn chế, khó khăn:

1. Tăng trưởng áp lực từ quy mô

Kinh tế phát triển chủ yếu dựa vào ngành sản xuất sản phẩm điện tử, số doanh nghiệp trong nước chiếm tỷ trọng lớn, nhưng thiếu sự liên kết để tham gia vào chuỗi sản xuất, cung ứng sản phẩm, dịch vụ mang tính toàn cầu, chưa thu hút được doanh nghiệp quy mô lớn ở các ngành khác để làm đối trọng với ngành điện tử, xử lý ô nhiễm môi trường chuyên biến chậm, cách mạng công nghệ 4.0 đang diễn ra nhanh nhưng sự hiểu biết và sự tham gia của các cấp các ngành, nhất là cộng đồng doanh nghiệp còn rất hạn chế...

2. Biến đổi khí hậu, dịch bệnh trên gia súc gia cầm

Biến đổi khí hậu ngày càng tác động rõ rệt đến sản xuất nông nghiệp; tỷ trọng giá trị sản xuất nông nghiệp ứng dụng CNC còn thấp và chưa lan tỏa. Dịch bệnh trên gia súc gia cầm do nhiều yếu tố như vận chuyển, buôn bán, giết mổ, tiêu thụ gia súc gia cầm, sản phẩm gia súc gia cầm nhập lậu, không rõ nguồn gốc xuất xứ.

3. Ô nhiễm môi trường

Giải quyết ô nhiễm môi trường chuyên biến chậm, nhất là ô nhiễm rác thải sinh hoạt ở khu vực nông thôn.

4. Sinh con thứ ba

Tỷ lệ phụ nữ sinh con thứ ba trở lên cao và có xu hướng gia tăng, mất cân bằng giới tính khi sinh giảm chậm.

OVERVIEW OF ECONOMIC - SOCIAL SITUATION IN BAC NINH PROVINCE 2018

I. BACKGROUND OF VIETNAM'S ECONOMIC AND BAC NINH PROVINCE

In 2018, the national economy and society took place in the context of a slowing world economy and many unpredictable factors. Global trade increased more slowly than expected due to changes in US trade policy, the US-China trade war continued to be complicated. In the country, besides the advantages from positive results in 2017, our country's economy also faces complicated weather situation, affecting food and food prices, affecting the target. control inflation; Disbursement of public investment is low.

Bac Ninh province also suffers from the impacts of the world and domestic economy, due to the deep integration of the economy; to continue to maintain economic development and social stability. Since the beginning of 2019, Bac Ninh province has focused on implementing the Resolution No. 01/NQ-CP of the Government by issuing Directive No. 01/CT-UBND dated 04/01/2019 of the Chairman of the Provincial People's Committee. In order to implement the key tasks and major solutions to direct and administer the implementation of the socio-economic development plan in 2019, in the year of Bac Ninh province, five directives were issued to direct the synchronous implementation. solutions for comprehensive development of branches and domains.

II. RESULT

Economic growth thanks to the advantages of impressive results achieved in 2017, in all sectors and sectors increased. Industry continues to be the highest rising industry with 2 numbers. During the year, Bac Ninh province drastically reformed its administration, created a favorable business and investment environment, improved the provincial competitiveness, removed difficulties, reduced costs, strongly boosted production and business, create growth motivation, focus on sectors and areas with great potential; encourage innovation, start-up, efforts to synchronously implement solutions, promote potentials, strengths and determination to create clear changes in socio-economic development. Economic growth reached 10,6% exceeding the target set by the province.

1. Economic growth

Gross domestic product (GRDP) in 2018 (2010 comparative price) increased by 10,6% compared to 2017. In which, the AFF sector achieved a good increase (+ 2,52%) after two consecutive years. decreased and contributed 0,07 percentage points to growth; industry - construction sector increased by 11,6% and contributed 8,96 percentage points to growth; service sector increased by 7,32% and contributed 1,17 percentage points; Product tax increased 9,75% and contributed 0,41 percentage points. Regarding economic structure, the proportion of AFF sector from 2,8% in 2017 decreased to 2,7% in 2018; Similarly, the proportion of services sector from 16,9% to 16.6%, product tax from 4,2% to 4,1%; Particularly, the proportion of industry-construction sector increased from 76,1% to 76,6%. Per capita GRDP reached USD 150,1 million (approximately USD 6,500), an increase of 8,7% compared to 2017.

Agriculture, forestry and fishery sector: Although the area of agricultural production continues to be narrowed, winter crop production decreases in both area, productivity and output, but thanks to the expansion of agricultural area. CNC application industry, according to Vietgap standard and spring crop, crop yield, yield of many crops increased, especially for food crops, so the cultivation industry increased quite well. Animal husbandry, pork prices began to increase from the end of the first quarter and remained high (December increased by more than 80% compared to January), pigs were recovered quickly and increased by 3,6% compared to 2017; output of live cattle and poultry meat increased by 3,7%. Generally, the added value (2010 price) of this region is estimated to increase 2,52% compared to 2017.

In the industry - construction sector: Although the industrial production of the FDI sector in the last months of the year tends to increase and decrease (because there were more large-scale factories in operation in the same period last year), However, thanks to the high growth of the first months of the year and the production of the domestic sector, especially the private enterprises, the industrial production of the whole year still increased by double digits (+ 11,65%). . The construction industry, though accounting for a small proportion, but the construction of residential houses, social housing, high-class housing, infrastructure of industrial parks, education,

health, roads, ... on The province increased, so it also achieved a good growth rate (+ 11,26%), contributing to increase the added value of this region by 11,6%.

In the service sector, with a large number of workers and tens of thousands of foreign experts working in industrial zones and clusters, many service industries continue to increase in order to meet the necessities in time. , such as accommodation and catering services, transportation, telecommunications, real estate, supermarkets, trade centers, entertainment services, ... Besides, the price of goods is stable, The income of workers in the province is higher than the national average, and since July, the basic salary of the beneficiaries who get salary from the state budget and retirees has increased by nearly 7%, so the level of consumption using goods and services in the province increased quite well. In particular, a number of industries with high growth rates, such as wholesale and retail trade and repair of automobiles and motorbikes (+8%); transport services (+8.4%); accommodation and food (+8.2%); information and communication (+10.4%); administrative and support services (+10.4%); entertainment services (+8.3%); group of industries get salary from the state budget (+ 8%). In general, the added value of the service sector in 2018 is estimated to increase by 7,32% compared to 2017. Product tax, business operation scale continues to be expanded, import turnover is large, so tax revenue is collected. products increased 9,75% compared to 2017, contributing 0,41 percentage points to economic growth.

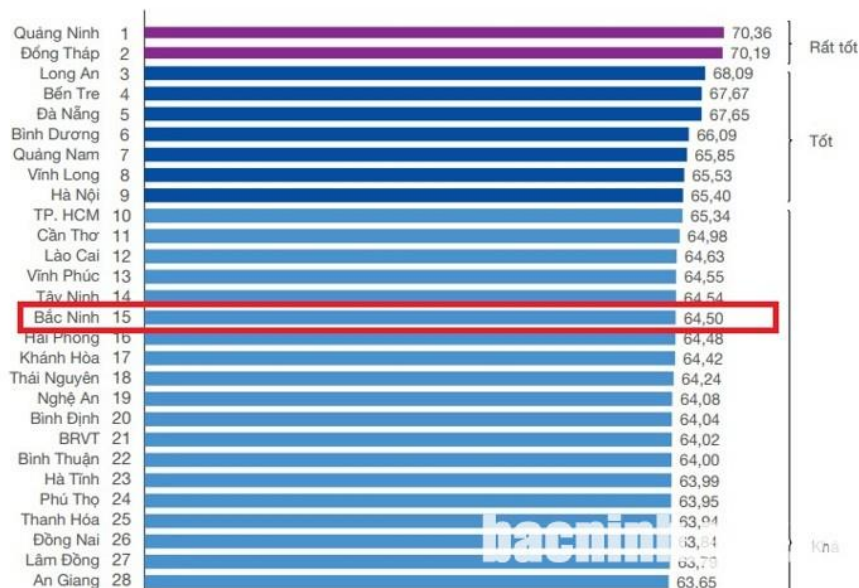
2. Quality of growth

The structure of the economy of Bac Ninh province has a positive shift, in which, the proportion of agriculture has been reduced and the proportion of industry and services has increased sharply. agriculture, forestry and fishery accounted for 2,7%; industry and construction accounted for 76,6%; service sector accounted for 16.6%; product tax minus product subsidies accounted for 4,1%.

The foreign-invested economic sector continues to play a key role in the province's economy. The proportion of social investment in FDI sector due to large-scale projects and factories has been disbursed and completed construction stage from the end of 2017, so the investment capital is low. Overall, the total development investment capital for the whole 2018 year is estimated at 68,2% compared to 2017.

3. Competitiveness of Bac Ninh province

According to the ranking index of the Provincial Competitiveness Index (PCI) in 2018, Bac Ninh province ranked 15/63 provinces and cities with 64,5 points, up 2 grades and up 0,14 points compared to 2017, in the group of provinces with good quality.



Ranking of PCI index in 2018 of provinces and cities.

Quang Ninh Province for the second consecutive year ranked No. 01 on the PCI rankings with 70,36 points; followed by Dong Thap with 70.19 points and Long An with 68,09 points.

In the Red River Delta region alone, Bac Ninh province ranked fourth after Quang Ninh (ranked No.1), Hanoi (ranked 9th), and Vinh Phuc (ranked 13th).

For the component indicators, Bac Ninh province has 05 indexes increased compared to 2017: Time cost (up 0,47 points); Fair competition (up 1,45 points); The dynamics of the provincial government (up 0,18 points); Labor training (up 0.13 points); Legal institutions and security (up 0.67 points).

Meanwhile, 05 indexes declined include: Market entry (down 0,05 points); Access to land (down 0,18 points); Transparency (0,08 points reduction); Unofficial expenses (0,58 points reduction); Business support services (down 0,34 points).

4. Import and export of goods and services

In 2018, a new record of export and import of Bac Ninh province was recorded when total export and import goods reached 62.168 million USD, in the period from 2010 in a row, the export and import turnover of Bac Ninh province were all higher.

Export of goods: In 2018, export turnover reached 35.347 million USD, up 12,2% over the previous year. With 2 main export products (phones and accessories reached 30.868 million USD, computers and components reached 2.887 million USD); These two exports account for 95,5% of all export value.

Import of goods: In 2018, import turnover reached USD 26,821 million, down 12,1% compared to the previous year. In which, there are 3 main import items (Electronic goods and components, computers and components, machinery and other means). These 3 imported goods account for 93% of all items. imported goods.

The trade balance of goods carried out in 2018 saw an export surplus of 8.526 million USD, of which the domestic economic sector saw an import surplus of 268 million USD; foreign invested sector saw an export surplus of 8.794 million USD, Korea became the largest trade deficit market, in 2018 import decreased because SamSung Group in 2017 expanded production, so the demand for imported machinery and equipment components for assembly and processing increased.

5. The situation of business registration

In 2018, the number of newly registered enterprises was 2,042 enterprises (up 1,3% over the same period) with a total registered capital of 18.115 billion VND (up 32,9% over the same period). Registered establishment of new 681 affiliated units. The number of enterprises that voluntarily dissolved and revoked their business registration certificates was 484 enterprises.

The number of enterprises suspended from operation in 2018 is 483 enterprises including voluntary dissolution enterprises and dissolved enterprises whose business registration certificates are revoked.

6. Attract foreign investment

Foreign direct investment in 2018 attracted 175 new licensing projects with a registered capital of USD 586,6 million. Besides, there were 121 licensed projects in the previous years with a total adjusted capital of 856,3 million USD, increasing the total newly registered capital and adjusting capital by 1.442,9. Realized foreign direct investment in 2018 reached USD 2.345,2 million.

In 2018, there were 52 capital contributions to buy shares of foreign investors with a total value of 23,8 million USD.

7. Tourists come to Bac Ninh

Tourism activities in 2018 achieved impressive results, the tourism industry has developed the outline "Application of GIS technology to build a tourism information system, serving the management and development of tourism in the North province. Ninh"; develop a program of cooperation in management and development of local tourism in the cooperation program for tourism development in the period 2018-2020 between the Departments of Hanoi - Bac Ninh - Hai Duong - Hung Yen - Vinh Phuc... Propaganda and promotion activities are focused in various forms and rich contents, contributing to promoting the tourism potential of Bac Ninh province. Total visitors in 2018 were estimated at 2.463 thousand passengers, an increase of 23% compared to the previous year, of which international visitors were estimated at 170 thousand, an increase of 8,2% over the previous year.

8. Price index

In 2018, the consumer price index continued to be controlled at less than 4%, in the condition that some essential commodities rebounded. The average price index compared to the previous year increased by 3,37%, lower than the whole country by 3,65% and lower than the National Assembly's target. Consumer price index (CPI) in December 2018 increased by 4,38% compared to December 2017, the average monthly increase was 0,36%.

9. Population, labor and employment

The average population in 2018 of Bac Ninh province is 1.247,5 thousand people, an increase of 32,2 thousand people, equivalent to 2.7% compared to 2017, including urban population of 354,7 thousand people, accounting for 28,4%; rural population 892,7 thousand people, accounting for 71,6%; male population of 609,2 thousand people, accounting for 48,8%; female population of 638,2 thousand people, accounting for 51,2%.

The labor force aged 15 and older in 2018 was 675,5 thousand people, an increase of 7,4 thousand people compared to the previous year, in which the growth rate in rural areas was higher than in urban areas 0,63 percent score. Workers aged 15 and over working in 2018 were 662,9 thousand people, up 0,9% from the previous year.

10. Residential life

Residential life continues to improve. The rate of poor households with multi-dimensional access in 2018 was 1,62%, down 0,44 percentage points compared to 2017, of which urban areas were 1,26%, down 0,36 percentage points and rural 1,75% decreased by 0,46 percentage points. In districts with 2 districts (Yen Phong district, Gia Binh district), the percentage of poor households accessing the highest multi-dimensional (1,95%) and Tu Son town has the lowest rate of multi-dimensional poor households in the province (1,04%).

III. SOME LIMITS, DIFFICULTIES

Besides the achieved results, the socio-economic of Bac Ninh province in 2018 still has some limitations and difficulties:

1. Growth pressure from scale

The economy developed mainly based on the electronic product manufacturing industry, the number of domestic enterprises accounted for a large proportion, but lacked the link to participate in the global production and supply chain of products and services., has not yet attracted large-scale enterprises in other industries to counterbalance the electronics industry, handle slow-moving environmental pollution, and revolutionary technology 4.0 is taking place quickly but understanding and participation of all levels, especially the business community, is very limited ...

2. Climate change, epidemics in livestock and poultry

Climate change is increasingly affecting agricultural production; The proportion of agricultural production value of CNC applications is still low and not spread. Epidemic diseases in poultry are caused by many factors such as transport, trade, slaughter, consumption of cattle and poultry, smuggled poultry products, unknown origin.

3. Environmental pollution

Addressing environmental pollution and changing slowly, especially pollution of domestic waste in rural areas.

4. Born the third child

The rate of women having third and higher order births is high and tends to increase, sex ratio imbalance decreases slowly.

TỐC ĐỘ TĂNG MỘT SỐ CHỈ TIÊU SO VỚI NĂM TRƯỚC

Growth rate of some main indicators compared to the previous (%)

